

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

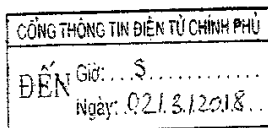
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2018/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 144/TTr-STC ngày 31 tháng 01 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quyết định này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm các văn bản sau:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.
2. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

**Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức phân bổ

kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang (đính kèm Nghị quyết).

### **Điều 3. Nội dung chi và mức chi**

Nội dung và mức chi đối với kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 4. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang**

#### **1. Lập dự toán:**

a) Đối với các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

Hàng năm, căn cứ văn bản chấp thuận đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 1 Quyết định này, lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với cơ quan thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

Căn cứ số lượng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong Chương trình, Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong năm và Chương trình, Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trong năm được cấp thẩm quyền ban hành, căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3 Quyết định này và các chế độ chi tiêu hiện hành để lập dự toán kinh phí thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện hệ thống pháp luật tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

#### **2. Phân bổ dự toán:**

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao, các cơ quan, đơn vị thực hiện phân bổ dự toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc, trong đó ghi rõ kinh phí xây dựng, thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được phân bổ vào kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

3. Việc thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

4. Đối với kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành. Chứng từ thanh toán gồm:

a) Văn bản chấp thuận đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền.

b) Tờ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền ban hành.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp; cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Điều 3 Quyết định này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

5. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên (kinh phí thực hiện chế độ tự chủ) đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

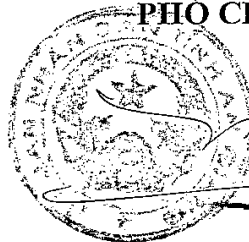
2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 và thay thế quy định về kinh phí hỗ trợ cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về kinh phí hỗ trợ cho công tác xây dựng, hoàn thiện và kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ 4 - Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo AG, Đài PT-TH AG, Phân xã AG;
- Website Chính phủ; Website tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, P.KTTH, TT.Công báo - Tin học.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Nưng**

**Phụ lục**  
**Nội dung và mức chi đối với kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng**  
**văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**  
*(Kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

| Số TT | Nội dung chi                                                                                                                                          | Đơn vị tính          | Mức chi   |           |           |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|-----------|-----------|
|       |                                                                                                                                                       |                      | Cấp tỉnh  | Cấp huyện | Cấp xã    |
| I     | Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản                                                                                                       |                      |           |           |           |
| 1     | Văn bản mới hoặc thay thế                                                                                                                             | đồng/đề cương        | 950.000   | 750.000   | 550.000   |
| 2     | Văn bản sửa đổi, bổ sung                                                                                                                              | đồng/đề cương        | 650.000   | 500.000   | 400.000   |
| II    | Chi soạn thảo văn bản                                                                                                                                 |                      |           |           |           |
| 1     | Văn bản mới hoặc thay thế                                                                                                                             | đồng/dự thảo văn bản | 3.200.000 | 2.500.000 | 2.000.000 |
| 2     | Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều                                                                                                                  | đồng/dự thảo văn bản | 2.700.000 | 2.000.000 | 1.600.000 |
| III   | Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản                                                                     |                      |           |           |           |
| 1     | Báo cáo tổng hợp ý kiến; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý                                                                                    |                      |           |           |           |
| a     | Văn bản mới hoặc thay thế                                                                                                                             |                      |           |           |           |
|       | - Báo cáo tổng hợp ý kiến                                                                                                                             | đồng/báo cáo         | 250.000   | 200.000   | 150.000   |
|       | - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý                                                                                                           | đồng/báo cáo         | 350.000   | 300.000   | 250.000   |
| b     | Văn bản sửa đổi, bổ sung                                                                                                                              |                      |           |           |           |
|       | - Báo cáo tổng hợp ý kiến                                                                                                                             | đồng/báo cáo         | 150.000   | 120.000   | 100.000   |
|       | - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý                                                                                                           | đồng/báo cáo         | 250.000   | 200.000   | 150.000   |
| 2     | Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo |                      |           |           |           |
| a     | Đối với dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, Quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân                                  | đồng/báo cáo         | 350.000   | 300.000   | 250.000   |
| b     | Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung                                                                                                                      | đồng/báo cáo         | 200.000   | 150.000   | 100.000   |
| 3     | Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật                                                                                                         |                      |           |           |           |
| a     | Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề                                                                                          | đồng/báo cáo         | 5.000.000 | 3.000.000 | 2.000.000 |
| b     | Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất                                                                                                | đồng/báo cáo         | 3.000.000 | 2.000.000 | 1.000.000 |
|       | Báo cáo tổng hợp theo dõi                                                                                                                             |                      |           |           |           |

| Số TT     | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính              | Mức chi        |                |                |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                    |                          | Cấp tỉnh       | Cấp huyện      | Cấp xã         |
| c         | tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp                                                                                                                          | đồng/báo cáo             | 3.400.000      | -              | -              |
| d         | Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp                                                                                   | đồng/báo cáo             | 1.700.000      | 1.700.000      | -              |
| đ         | Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp                                                                                        | đồng/báo cáo             | -              | 900.000        | 900.000        |
| <b>IV</b> | <b>Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản</b>                                                                                                                                                                |                          |                |                |                |
| 1         | Văn bản góp ý                                                                                                                                                                                                                      | đồng/văn bản             | 250.000        | 200.000        | 150.000        |
| 2         | Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra                                                                                                                                                                                                | đồng/báo cáo             | 500.000        | 400.000        | 300.000        |
| <b>V</b>  | <b>Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, Tờ trình văn bản, dự thảo văn bản</b>                                                                                                               | <b>đồng/lần chỉnh lý</b> | <b>200.000</b> | <b>150.000</b> | <b>100.000</b> |
| <b>6</b>  | <b>Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo</b>                                                                                                                                                        |                          |                |                |                |
| a         | Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật |                          |                |                |                |
|           | - Chủ trì                                                                                                                                                                                                                          | đồng/người/cuộc họp      | 150.000        | 120.000        | 100.000        |
|           | - Các thành viên tham dự                                                                                                                                                                                                           | đồng/người/cuộc họp      | 100.000        | 80.000         | 60.000         |
|           | - Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự                                                                                                                                                                             | đồng/văn bản             | 200.000        | 150.000        | 100.000        |
| b         | Tham dự cuộc họp báo công bố các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành:                                                                                                                                 |                          |                |                |                |
|           | - Người chủ trì cuộc họp                                                                                                                                                                                                           | đồng/người/cuộc họp      | 150.000        | 120.000        | 100.000        |
|           | - Các thành viên tham dự                                                                                                                                                                                                           | đồng/người/cuộc họp      | 70.000         | 50.000         | 50.000         |